

Thành phố H, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 591/2020/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 122 Trần Quốc T, phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 359 Tăng Bạt H, phường Phú B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Hoàng Xuân V, sinh năm 1961.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 122 Trần Quốc T, phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 359 Tăng Bạt H, phường Phú Bình, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Hoàng Xuân V (bà T, ông V đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Long, thành phố H ngày 13/4/1987).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Hoàng Xuân V, sinh ngày 19/04/1989; Hoàng Ngọc O, sinh ngày 13/11/1996 và Hoàng Ngọc T, sinh ngày 07/08/2003. Hai cháu V và O đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi),

Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hoàng Xuân V thoả thuận: giao cháu Hoàng Ngọc

T, sinh ngày 07/08/2003 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hoàng Xuân V tự thỏa thuận để lại cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Hoàng Xuân V, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, bà T và ông V thỏa thuận bà T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Thoa đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000741 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường Kim Long, thành phố H;
- (Bà T và ông V ĐKKH số 02 quyền số 147 ngày 13/4/1987)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng